TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **_____**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: **466/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 25/09/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Kim Phương**
Bà **Lưu Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Hà** – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Hoàng Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/09/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 18/08/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2023/QĐHPT ngày 07/09/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Minh T , sinh năm: 1988 (có mặt)

**** Bị đơn***: Chị Phạm Thị Q , sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Cùng HKTT trú: Số F, Tổ P, phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai ngày 27/03/2023; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 20/6/2023; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 ngày 20/7/2023; các biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 20/6/2023, 20/7/2023 nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:***

- Về tình cảm: Anh và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện có sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn ngày 23/9/2011 tại UBND phường Thượng T , quận Long Biên, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà với mẹ đẻ anh tại địa chỉ số 27, Tổ 18, phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc và sinh được hai con, một trai một gái. Đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên to tiếng với nhau, bất kỳ một việc lớn hay nhỏ đều có tranh cãi và không thể hòa giải, các con thường xuyên phải chứng kiến việc bố mẹ bất hòa. Đến đầu năm 2017 thì chị Q dọn ra chỗ ở khác một mình, hai con ở lại với anh và anh chị sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Các con vẫn do anh chăm sóc nuôi dưỡng, khoảng đầu năm 2019 thì chị Q

đón cháu Q Anh về nuôi còn cháu Khang ở lại với anh. Kể từ khi ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm, không thể hòa giải đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa sớm giải quyết cho anh được ly hôn với chị Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 31/03/2012 và cháu Nguyễn Q Anh, sinh ngày 08/7/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Khang còn chị Phạm Thị Q sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Q Anh. Không ai phải đóng góp nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: anh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

Ngoài những yêu cầu trên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 10/04/2023 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Q tại tổ dân phố số 18 phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội thì được ông Nguyễn Quang Toán tổ trưởng tổ dân phố xác nhận anh T và chị Q có HKTT tại địa chỉ số 27, Tổ 18, phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội. Hiện anh T vẫn đang sinh sống và làm ăn ổn định tại địa chỉ trên. Quá trình sinh sống tại địa phương giữa anh T và chị Q có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không báo với tổ dân phố và nhờ tổ dân phố hòa giải. Khoảng năm 2021 thì chị Q dọn ra ở chỗ khác và không còn sống chung với anh T nữa.

Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Q Anh, sinh năm 2014. Hiện anh T và hai con vẫn ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ trên.Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 17/4/2023 bà Nguyễn Thị Loan mẹ đẻ anh T cho Tòa án biết: tháng 9 năm 2011 gia đình bà tổ chức đám cưới cho anh chị có sự chứng kiến của họ hàng hai bên và bạn bè. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng bà tại Tổ 18 phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội. Quá trình anh chị chung sống cùng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và rất hay cãi nhau, cuộc sống rất căng thẳng, mệt mỏi, bà đã nhiều lần hòa giải phân tích thiệt hơn cho anh chị nhưng chỉ được một thời gian lại lập lại. Năm 2017 chị Q dọn đi ở chỗ khác và không nói cho ai biết chỗ chị ở tại đâu nhưng vẫn thỉnh thoảng qua lại thăm hai con nhưng không vào nhà. Đến năm 2019 chị Q đón cháu Q Anh về ở cùng chị còn cháu Minh Khang vẫn ở với bố tại nhà bà. Anh T đã nhiều lần nói chuyện muốn ly hôn chị Q với bà nhưng bà đều khuyên giải anh T vì các cháu bà còn nhỏ sẽ rất thiệt thòi. Tuy nhiên, thời gian đã lâu mà anh chị sống ly thân, không có cơ hội hòa giải đoàn tụ nên anh T có nguyện vọng được ly hôn với chị Q bà cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 17/4/2023 cháu Nguyễn Minh Khang cho Tòa án biết: Cháu là con bố T , mẹ Q , cháu là anh lớn trong gia đình, sau cháu còn em gái tên là Nguyễn Q Anh, sinh năm 2014. Bố mẹ cháu sống chung đến năm 2017 thì mẹ dọn đi chỗ khác ở, giữa bố mẹ thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cuối tuần, mẹ cháu thường qua nhà bố để đón cháu và em đi chơi nhưng cháu không biết địa chỉ

mẹ ở đâu, thời gian đầu mẹ chuyển đi nơi khác thì bố cháu nuôi cả hai anh em. Đến năm 2019 thì mẹ cháu về đón em Q Anh đi ở cùng còn cháu vẫn ở với bố. Nay cháu biết bố mẹ cháu ra Tòa án để ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố để giúp bố vì từ trước đến nay bố vẫn là người chăm sóc cháu. Ngoài ra cháu không có nguyện vọng gì khác.

Còn cháu Nguyễn Q Anh có viết giấy xác nhận con đang ở với mẹ và không nhớ số nhà, bố mẹ không chung sống với nhau nữa thì con muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị Q giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn chị Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39 ,147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh T đối với chị Phạm Thị Q ; về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 31/03/2012 và cháu Nguyễn Q Anh, sinh ngày 08/7/2014; giao cháu Nguyễn Minh Khang (nam) cho anh T trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Q Anh (nữ) cho chị Q trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng không ai phải đóng góp nuôi con cho ai; về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Phạm Thị Q . Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Q có HKTT tại: số tổ 18, phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T có mặt, bị đơn là chị Phạm Thị Q vắng mặt. Đối với chị Q , Tòa án đã xác minh tại Công an phường Thượng T về nơi cư trú cuối cùng của chị và tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song chị Q vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Anh T và chị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2011 tại UBND phường Thượng T , quận Long Biên, Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số152/2011, quyển số 1/2011). Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị và là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh T và chị Q chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ năm 2017 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị không sống cùng một nhà nhưng chị Q không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, anh chị không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy anh T cương quyết xin ly hôn với chị Q để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T và chị Q không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Nguyễn Minh T yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Q là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 31/03/2012 và cháu Nguyễn Q Anh, sinh ngày 08/7/2014. Ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Nguyễn Minh Khang (nam) và chị Phạm Thị Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Q Anh (nữ), không ai phải đóng góp nuôi con cho ai cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ đầu năm 2017 anh T , chị Q đã sống ly thân, đến năm 2019 chị Q đón cháu Q Anh đi ở cùng. Anh T cùng cháu Khang vẫn ở tại tổ 18 phường Thượng T , Long Biên, Hà Nội, cháu Q Anh sống chung cùng mẹ, cả hai cháu vẫn phát triển ổn định về tinh thần và thể chất và đều có nguyện vọng ở với bố hoặc mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho các con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của anh T , tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh Khang cho anh Nguyễn Minh T

trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Q Anh cho chị Phạm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với thực trạng của các cháu và không ai phải đóng góp nuôi con cho ai. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T , chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh chị lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T , chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh hoặc chị theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản, nhà ở, đất ở chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn anh T , chị Q tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Anh T khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Minh T** được ly hôn chị **Phạm Thị Q** .

2. Về con chung: Anh T và chị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 31/03/2012 và cháu Nguyễn Q Anh, sinh ngày 08/07/2014; giao cháu Nguyễn Minh Khang (nam) cho anh T trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Q Anh (nữ) cho chị Q trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 09 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải đóng góp nuôi con cho ai.

Anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Anh T , chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị Q , anh T nếu anh chị lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Tòa án không xem xét.

4. Về công nợ chung: Anh T khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065738 ngày 23/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

+ Chị Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Thượng T , quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hồng Hạnh